| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ S**<br>**TỈNH S** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13-11-2019.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH S**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Định;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Phơ.

Ông Đỗ Ngọc Cận.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Nguyễn Thu Hồng, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên Tòa:*** Bà Đồ Ngọc Tuyền– Kiểm Sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Diệu H;** Địa chỉ: Số 48/4, đường L, khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh S.(Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Lê K;** Địa chỉ: Số 48/4, đường L, khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh S.(vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/8/2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Diệu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Diệu H và ông Nguyễn Lê K kết hôn với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh S. Hôn nhân của bà và ông K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng giữa năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K có quen biết với người phụ nữ khác

bên ngoài, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù, khi xảy ra mâu thuẫn thì gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn tình vợ chồng cho bà và ông K  nhưng đều không được.

Nay bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Lê K.

Về con chung: Bà Trần Diệu H khai bà và ông Nguyễn Lê K có hai người con chung tên là Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 03/8/2011 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 13/5/2014. Hiện nay cháu N, cháu A đang sống cùng  với bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục  cháu N, cháu A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông K cấp dưỡng cho cháu N,cháu A mỗi cháu 1.500.000đ/tháng/cháu.

Về tài sản chung: Bà H và ông K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại văn bản trả lời và đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Lê K trình bày:*

Ông Nguyễn Lê K thống nhất với nội dung trình bày của bà Trần Diệu H về quan hệ hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân dân đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay ông K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của của bà H.

Về con chung: Ông K khai trong thời gian chung sống với bà H có hai người con chung tên là Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 03/8/2011 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 13/5/2014. Sau khi ly hôn thì ông K đồng ý giao cháu N, cháu A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông K đồng ý cấp dưỡng cho cháu N ,cháu A mỗi cháu 1.500.000đ/tháng/cháu.

Về tài sản chung: Ông K và bà H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông K và bà H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại tờ tường trình lập ngày 19/9/2019 cháu Nguyễn Trần Bảo N trình bày:* Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Trần Diệu H vì mẹ thường chăm sóc cháu, đưa đón cháu đi học, còn cha thì không quan tâm đến

cháu.

*Ý kiến của kiểm sát viên:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diệu H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Lê K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Trần Diệu H khởi kiện ông Nguyễn Lê K về tranh chấp ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Lê K có nơi cư trú tại số 48/4, đường L, khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

**[2].** Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông K là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, do đó việc ông, bà tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân thị trấn Ha, huyện M, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn là hoàn toàn đúng pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Trong quá trình chung sống theo bà H trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, ông K có người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm sóc cho vợ con, từ đó dân đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì bà H và ông K được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn tình cảm để vợ chồng về chung sống và nuôi dạy các con nhưng đều không được. Bà H và ông K đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Tại phiên Tòa hôm nay bà H vẫn cương quyết xin ly hôn với ông K. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn

giữa bà H, ông K đã đến mức trầm trọng, hiện nay ông, bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, ông bà không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Lê K.

**[3]**. Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có hai người con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 03/8/2011 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 13/5/2014, hiện nay các cháu đang sống với bà Trần Diệu H tại địa chỉ số 48/4, đường L, khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh S.

Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi bà H và ông K sống ly thân thì cháu N, cháu A đều do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hằng ngày bà H đều đưa đón các cháu đi học. Đồng thời tại tờ tường trình lập ngày 19 tháng 9 năm 2019 cháu Nguyễn Trần Bảo N trình bày sau khi cha mẹ ly hôn cháu N có nguyện vọng được sống với bà H và tại Văn bản trả lời ngày 18 tháng 9 năm 2019 ông K trình bày sau khi ly hôn ông đồng ý giao hai cháu Nguyễn Trần Bảo N và Nguyễn Trần Bảo A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Từ đó thấy rằng để nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu nên việc giao cháu N,cháu A cho bà Trần Diệu H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông K cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Trần Bảo N và Nguyễn Trần Bảo A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

**[4]** Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu A mỗi cháu 1.500.000đ/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật. Xét thấy, sự tự nguyện của ông K phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[5]**. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết bà H và ông K trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[6]** Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà H và ông K trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[7]**. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí ly hôn 300.000đ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

**Tuyên xử:**

**1/.** Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Diệu H được ly hôn với ông Nguyễn Lê K.

**2/.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 03/8/2011 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 13/5/2014 cho bà Trần Diệu H tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N,cháu A đủ 18 tuổi.

**3/.** Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu A mỗi cháu 1.500.000đ/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật và có hiệu lực Thi hành theo điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Lê K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 03/8/2011 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 13/5/2014 mà không ai được cản trở.

**4/.** Về tài sản chung: Bà Trần Diệu H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**5/.** Về nợ chung: Bà Trần Diệu H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**6/**. Về án phí: Bà Trần Diệu H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0009367 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Bà H đã nộp xong số tiền 300.000đ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh S;
- VKSND tỉnh S;
- VKSND TP. S;
- THADS TP. S;
- UBND thị trấn H, huyện M, tỉnh S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Định**